

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/DS-PT

Ngày 26 - 9 - 2024

V/v: Tranh chấp chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Hiếu.

Các Thẩm phán: Bà Điều Thị Kim Liên; ông Đỗ Tuấn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Hồng Nết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Ông Phạm Quốc Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2024/TLPT-DS ngày 27/8/2024, về việc Tranh chấp chia thừa kế.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 23/2024/DS-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị N. Địa chỉ: 41 CB, f4, thành phố VT, tỉnh B – VT. Vắng mặt.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Mai Thị N: Bà Dương Thị H, Luật sư Công ty Luật TNHH TT. Địa chỉ: Số 59, ngõ 193 đường TK, phường YH, quận G, HH. (Văn bản uỷ quyền ngày 02/8/2019) Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Dương Văn P. Địa chỉ: Số nhà 38, ngõ 37, tổ 12, phường QT, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :*

- Anh Dương Đăng K. Địa chỉ: 41 CB, F4, thành phố VT, tỉnh B - VT. (Vắng mặt).

- Anh Dương Văn A. Địa chỉ: Thôn PL, xã U, huyện KB, tỉnh HM, nơi ở hiện tại: Phòng 1138, tòa HH4A, khu đô thị LL, quận MM, Thành phố HH. (Vắng mặt).

- Ông Dương Văn Tn. Địa chỉ: Tiểu khu 3, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Nơi ở hiện tại: Ngã tư BH, thôn MN, xã NS, huyện KB, tỉnh HM. (Vắng mặt).

- Ông Dương Văn KK. Địa chỉ: Ngã tư BH, thôn MN, xã NS, huyện KB, tỉnh HM. (Vắng mặt).

- Phòng Công chứng B. Địa chỉ: Số 14, đường QQ, phường TH, thành phố S, tỉnh Sơn La - Nay là phòng công chứng V. Địa chỉ: Huyện RR, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị N trình bày:

Bà Mai Thị N và ông Dương Văn MV kết hôn ngày 14/4/2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyền số 01/2005 cấp tại phường 7, TP VT, tỉnh B - VT. Quá trình chung sống có 01 con chung là Dương Đăng K sinh ngày 17/10/2006.

Ngày 10/10/2009, ông Dương Văn MV bị chết do tai nạn giao thông, không để lại di chúc. Tài sản chung của vợ chồng, di sản thừa kế của ông MV để lại đến nay bà N và cháu Dương Đăng K chưa được phân chia, quản lý.

Ngày 18/11/2005, ông Dương Văn MV thành lập công ty TNHH ĐĐ. Đến thời điểm ông MV qua đời, công ty TNHH ĐĐ có vốn điều lệ là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng), gồm 02 thành viên là ông Dương Văn MV, chiếm 85% vốn điều lệ công ty, ông Dương Văn Tn chiếm 15% vốn điều lệ công ty. Các tài sản riêng của ông MV, các khoản tài chính lổ lãi của Công ty đến nay các hàng thừa kế của ông MV đều chưa được phân chia.

Ngày 30/10/2009, tại Văn Phòng Công chứng B, bà Mai Thị N đã ký văn bản phân chia tài sản thừa kế với ông Dương Văn Tn, Dương Văn P. Trong đó có nội dung:

"Chúng tôi thoả thuận việc phân chia tài sản thừa kế của ông Dương Văn MV để lại như sau:

1. Toàn bộ tài sản gồm có:

a. Một xe Ben tải trị giá 400.000.000đ.

b. Một nhà đất trị giá 500.000.000đ.

c. Tiền mặt 1.100.000.000đ.

2. Phân phân chia như sau:

a. Ông Dương Văn Tn – Chức vụ: Phó Giám đốc – là thành viên sáng lập công ty TNHH ĐĐ.

- Tiền mặt là 100.000.000đ.

- Giá trị 1 chiếc xe Ben là 200.000.000đ.

b. Bà Mai Thị N – vợ ông Dương Văn MV (người đã chết)

- Giá trị nhà đất là: 500.000.000đ.

- Tiền mặt là: 1.000.000.000đ.

- Giá trị ½ chiếc xe Ben là: 200.000.000đ.

- Bà Mai Thị N sẽ nhận toàn bộ tài sản thừa kế trên sau đó chuyển lại toàn bộ phần tài sản thừa kế nêu trên cho ông Dương Văn P – là em ruột của ông Dương Văn Mậu, trên cơ sở thoả thuận không có gì ép buộc.

c. Ông Dương Văn P sẽ nhận lại toàn bộ số tài sản trên tiếp tục bổ sung vào tài sản công ty thuộc quyền sở hữu của ông Dương Văn P kể từ ngày 30/10/2009."

Tài sản được liệt kê ra để phân chia như trên là tương ứng với tổng số vốn điều lệ của công ty. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, tài sản ông MV góp vốn vào công ty là tài sản chung của vợ chồng. Do vậy, khi phân chia tài sản trên, ông Tn nhận đủ 15% tổng số vốn điều lệ của công ty, tương ứng với số tiền 300.000.000đ, số còn lại bà N nhận là 85% tổng số vốn điều lệ của công ty, tương ứng với số tiền 1.700.000.000đ. Số tiền bà N nhận là tài sản chung của vợ chồng nên số tiền 1.700.000.000đ sẽ được chia đôi: 850.000.000đ là của bà N, 850.000.000đ là di sản của ông MV để lại.

Số tiền 850.000.000đ là di sản của ông MV được dùng để chia đều cho các hàng thừa kế thứ nhất gồm: mẹ đẻ là bà Dương Thị Đ, cháu Dương Văn A – con riêng của ông MV, cháu Dương Đăng K – con chung của bà N và ông MV và bà Mai Thị N. Số tiền mà mỗi suất thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông MV được hưởng là 212.500.000đ.

Theo như nội dung thoả thuận tại văn bản phân chia tài sản thừa kế, ông Dương Văn P là người nhận lại quyền thừa kế của bà N được hưởng từ ông MV, không bao gồm phần của các đồng thừa kế khác. Cụ thể, số tiền bà N đồng ý chuyển cho ông Dương Văn P là 212.500.000đ. Còn số tiền 850.000.000đ là tiền của bà Mai Thị N, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình phải trả lại cho bà N. Số tiền 212.500.000đ cháu Dương Văn K được hưởng thừa kế từ bố cháu phải chia cho cháu. Nay ông P đã nhận, đề nghị ông P phải trả lại số tiền 850.000.000đ cho bà Mai Thị N và 212.500.000đ cho cháu Dương Văn K.

Tại bản tự khai ngày 21/6/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Dương Đăng K trình bày:

Hoàn cảnh của gia đình cháu K rất vất vả, cháu ở cùng với mẹ và bà ngoại đã già cả hiện đang đau ốm. Cháu K còn đang đi học, chưa trợ giúp được cho gia đình, mẹ cháu phải một mình cáng đáng công việc gia đình, chăm sóc mẹ già, nuôi cháu K ăn học. Cháu sống thiếu thốn cả về vật chất và tình cảm vì

thiếu vắng người cha trong nhà. Do đó, cháu đề nghị Tòa án bảo vệ quyền lợi hợp pháp của gia đình cháu.

Tại bản tự khai ngày 18/01/2021 và biên bản làm việc ngày 19/4/2021, bị đơn ông Dương Văn P trình bày:

Ngày 02/8/2019, bà N có làm hợp đồng ủy quyền cho Công ty Luật TNHH TT làm mọi thủ tục liên quan đến vụ án. Vậy mà ngày 09/7/2020, bà Nhân đứng đơn khởi kiện cá nhân ông P, ông P đề nghị Tòa án, Viện kiểm sát trả lời ông P bằng văn bản bà N đứng đơn có đúng hay không để trong quá trình giải quyết vụ án ông được biết chủ thể nào là nguyên đơn.

Theo đơn khởi kiện của bà N, ở mục người có quyền lợi ích được bảo vệ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không thấy nhắc đến tên bà N, vậy mà ở phần yêu cầu Tòa giải quyết thì lại có tên bà N được hưởng số tiền 850.000.000đ, điều này là vô lý không hợp pháp.

Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án còn đang thiếu rất nhiều, theo ông P thì khi ông MV còn sống có làm văn bản thỏa thuận với bà N về tài sản, tài chính, kinh tế giữa ông MV và bà N là không ai liên quan đến ai mà là tài sản riêng độc lập. Đề nghị Tòa án yêu cầu bà N cung cấp.

Bà N đã yêu cầu khởi kiện chia tài sản thừa kế theo pháp luật, vậy ông P đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp ông MV còn đang nợ chưa trả hết yêu cầu bà N phải có trách nhiệm trả thay theo quy định pháp luật.

Theo văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 30/10/2009 tại Phòng Công chứng B, ông P là người được bà Mai Thị N ủy quyền nhận số tài sản sau:

- Giá trị nhà đất 500.000.000đ;
- Tiền mặt 1.000.000.000đ;
- Giá trị 1/2 chiếc xe ben là 200.000.000đ.

Sau đó, ông P đã tiếp tục bổ sung vào tài sản của công ty TNHH ĐĐ thuộc quyền sở hữu của ông P. Quá trình hoạt động của công ty và giải quyết công nợ của cá nhân ông MV thì gia đình, anh em của ông MV đã thống nhất với nhau như sau: Mảnh đất tại số nhà 254B đường TĐN, thành phố S giao cho ông Dương Văn KK bán để trả nợ cho ông MV (nợ cá nhân của ông MV). Còn lại tiền mặt và giá trị 1/2 chiếc xe ben thì ông P tiếp tục chuyển nhượng lại cho ông Dương Văn Tn (phần này ông P không được thu tiền mặt mà để ông Tn trang trải nợ cho ông MV) việc chuyển nhượng này có văn bản nhưng công ty TNHH ĐĐ lưu giữ (ông P không giữ) Đề nghị Tòa án yêu cầu ông Tn cung cấp (ông Tn thời điểm này là Giám đốc công ty). Trường hợp ông Tn không cung cấp thì ông P đề nghị Tòa án yêu cầu Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Sơn La cung cấp thông tin. Ông P sẽ cung cấp cho Tòa án toàn bộ tài liệu, giấy tờ có liên quan đến vụ án mà ông P lưu giữ.

Về địa chỉ của ông Dương Văn KK, Dương Văn Tn, cháu Dương Văn A:

Ông P không biết chính xác mà chỉ có số điện thoại liên hệ.

Ý kiến của Phòng Công chứng B (Phòng Công chứng Sơn La): Phòng Công chứng B đã nhận được Thông báo thụ lý của Tòa án liên quan đến vụ án dân sự trong đó Phòng công chứng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà Hoàng Thị HP - Phụ trách Phòng Công chứng B có ý kiến: Liên quan đến văn bản phân chia tài sản thừa kế được lập và công chứng ngày 30/10/2009 tại Phòng Công chứng B do công chứng viên Lò Văn G thực hiện, ông G đã nghỉ việc tại Phòng Công chứng B. Tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ đại diện phòng công chứng có mặt nhưng không bổ sung tài liệu chứng cứ nào khác và không ký vào biên bản tiếp cận công khai chứng cứ. Hiện tại Phòng Công chứng B đã được sáp nhập với phòng Công chứng Q, gọi là phòng công chứng V.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 19/4/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Đ trình bày: Bà Đ sống cùng con trai ông Dương Văn P tại nhà số 38, ngõ 37, tổ 12, phường QT, thành phố S, tỉnh Sơn La. Do tuổi cao sức yếu, bà Đ ủy quyền toàn bộ cho ông P tham gia tố tụng tại Tòa án. Việc bà N khởi kiện ông P như thế nào, bà không nắm được.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và bị đơn cung cấp thông tin bà Đ đã chết nhưng không cung cấp cho Tòa án giấy tờ nào liên quan.

Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân thành phố S:

Ngày 28/5/2021, Tòa án nhân dân thành phố S đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp, tài liệu chứng cứ đề nghị Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Sơn La cung cấp thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của Công ty TNHH ĐĐ. Ngày 14/6/2021, Tòa án nhận được Công văn số 952/SKHĐT-ĐKKD ngày 04/6/2021 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cung cấp thông tin hiện nay Công ty đã giải thể.

Ngày 28/5/2021, Tòa án nhân dân thành phố S đã ra Quyết định ủy thác cho Tòa án nhân dân quận MM, Thành phố HH ủy thác lấy lời khai đối với anh Dương Văn A (con trai đầu của ông MV) hiện đang trú tại phòng 1138, tòa HH4A, khu đô thị LL, quận MM, thành phố HH do anh A không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án thành phố S.

Tòa án đã tạm đình chỉ vụ án lý do đợi kết quả ủy thác của Tòa án nhân dân quận MM, HH theo Quyết định tạm đình chỉ số 05/2021/QĐST-DS ngày 11/6/2021. Quá trình tạm đình chỉ, bà Dương Thị H - Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Mai Thị N đã 02 lần làm đơn đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án ngày 30/7/2022 và ngày 09/5/2023 gửi cho Tòa án nhân dân thành phố S và gửi cho Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án với lý do để tìm kiếm địa chỉ, thông tin của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo yêu cầu của Quý tòa.

Tòa án không liên hệ và không lấy được ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn KK, ông Dương Văn Tn, ông Dương Văn A. Do đó đã triệu tập bà Dương Thị H - Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Mai Thị N đến Tòa án để cung cấp địa chỉ của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngày 17/10/2023, bà Vàng Thị Hg - nhân viên văn phòng Công ty Luật TNHH TT (theo Giấy giới thiệu số 23/2023/GGT-TT ngày 16/10/2023). Qua làm việc, bà Hg cung cấp địa chỉ của ông KK, ông Tn, ông A, và thông tin bà Đ đã chết nhưng không cung cấp giấy tờ chứng minh. Tòa án đã triệu tập những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này đến Tòa án làm việc, gửi qua đường bưu điện theo đúng địa chỉ, số điện thoại bà Hương cung cấp, kết quả: bưu phát của ông Dương Văn Tn bị phát Hoàn trả, bưu phát của ông Dương Văn KK đã phát thành công nhưng người nhận ký tên Trần Quốc Tr không phải Dương Văn KK, bưu phát của anh Dương Văn A đã phát thành công. Tuy nhiên, không ai đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2024/DS-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 634, 674, 675, 676, 683 Bộ Luật Dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị N (đại diện theo ủy quyền bà Dương Thị H Luật sư Công ty Luật TNHH TT) đối với ông Dương Văn P về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Dương Văn MV.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 23/7/2024 bà Mai Thị N và anh Dương Đăng K có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 23/DS-ST, ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố S với lý do bản án không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà N và anh K.

*** Tại phiên toà phúc thẩm:**

Đại diện theo ủy quyền của bà Mai Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm do bản án sơ thẩm có vi phạm tố tụng bà Đ chết nhưng không đưa thêm người tham gia tố tụng. Trường hợp không hủy bản án đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

- Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/DS-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2022, nguyên đơn bà Mai Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp chia thừa kế cho cháu Dương Văn K và yêu cầu ông Dương Văn P trả lại cho bà N số tiền 850.000.000đ. Do đó xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp chia di sản thừa kế và Kiện đòi tài sản”. Bị đơn ông Dương Văn P trú tại phường QT, thành phố S, tỉnh Sơn La, do đó Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/7/2024 bà Mai Thị N và anh Dương Đăng K đều có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của bà Mai Thị N và anh Dương Đăng K thực hiện trong thời hạn luật định, hợp lệ về hình thức, đúng chủ thể, đảm bảo về thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, được chấp nhận xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Dương Thị H và bà Mai Thị N đã cung cấp địa chỉ của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng Tòa án đã nhiều lần gửi các văn bản tố tụng đến những địa chỉ phía nguyên đơn cung cấp nhưng không có người nhận, hoặc có người nhận nhưng không đúng tên người nhận. Tòa án nhân dân thành phố S đã xác minh tại chính quyền địa phương với địa chỉ nguyên đơn cung cấp sau khi tiếp tục giải quyết vụ án là Thôn MN, xã NS, huyện KB, tỉnh HM (là địa chỉ của ông Dương Văn Tn,

Dương Văn KK) và thị trấn TS, huyện CM, HH (là địa chỉ mới của anh Dương Văn A do bà Mai Thị N cung cấp) nhưng đều nhận được thông tin tại địa phương không có người có tên trên đăng ký hộ khẩu thường trú và tạm trú. Đối với cháu Dương Đăng K đã được triệu tập hợp lệ lần 2 của Tòa án nhưng không đến phiên tòa, coi như từ bỏ việc kháng cáo, do đó đình chỉ giải quyết kháng cáo của Dương Đăng K. Đối với bà Dương Thị Đ, quá trình giải quyết vụ án đã uỷ quyền cho ông Dương Văn P, và tại thời điểm xét xử sơ thẩm có đương sự trình bày bà Đ đã chết, nhưng các đương sự không cung cấp tài liệu chứng minh nên cấp sơ thẩm không có căn cứ để giải quyết.

[2] Xét nội dung kháng cáo bà Mai Thị N và anh Dương Đăng K.

[2.1] Về hàng thừa kế và người thừa kế: Năm 2009 ông Dương Văn MV chết không để lại di chúc, do vậy căn cứ Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 những người thừa kế thuộc hàng thứ nhất của ông Dương Văn MV gồm vợ là bà Mai Thị N và các con là Dương Văn A, Dương Văn K; mẹ đẻ là bà Dương Thị Đ. Do đó bản án sơ thẩm xác định hàng thừa kế gồm 4 người là vợ, 02 con và mẹ của ông MV là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về tài sản chung và di sản thừa kế:

[2.2.1] Tại đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là trên cơ sở văn bản phân chia tài sản thừa kế được công chứng ngày 30/10/2009 thì tài sản thừa kế của ông Dương Văn MV để lại gồm có: ½ giá trị chiếc xe Ben tải trị giá 200.000.000đ; một nhà đất trị giá 500.000.000đ, tiền mặt 1.100.000.000đ. Như vậy bà N đã thừa nhận toàn bộ tài sản trên là di sản của ông MV.

Tại đơn khởi kiện nêu rõ: *“Tài sản được liệt kê để phân chia như trên là tương ứng với tổng số vốn điều lệ của công ty”*. Nội dung này phù hợp với lời khai của ông P, vì ông MV chết nên ông P chỉ ký nhận tài sản trên giấy tờ để hợp lệ cho công ty được hoạt động bình thường. Như vậy, ông Dương Văn P được quyền điều hành quản lý Công ty TNHH ĐĐ của ông Dương Văn MV với giá trị vốn góp nêu tại văn bản phân chia tài sản thừa kế được công chứng ngày 30/10/2009, phù hợp với các tài liệu về Công ty TNHH ĐĐ do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sơn La cung cấp. Như vậy, công ty TNHH ĐĐ hoạt động như thế nào, công nợ nghĩa vụ của ông MV và công ty bao nhiêu thì không được làm rõ.

[2.2.2] Đối với diện tích nhà đất mang tên ông Dương Văn MV, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN849219 theo Quyết định số 617/QĐ-UB ngày 03/12/2008 của UBND thành phố S, có tổng diện tích được cấp là 68m², trong đó có 50m² đất ở và 18m² đất vườn, địa chỉ thửa đất tại tổ 09 phường QT, thành phố S được góp vốn vào Công ty TNHH ĐĐ. Ngày 09/3/2010 tại số nhà 254B, đường TĐN, tổ 9, phường QT, thành phố S, ông Dương Văn KK, Dương Văn P, Dương Văn Tn đã họp nội bộ gia đình thống nhất ông Dương Văn Tn được dùng bìa đồ trên để thế chấp cầm cố ngân hàng,

giải quyết công nợ cho ông MV, khi hết nợ ngân hàng ông Tn hoàn trả bìa cho ông P. Ngày 09/11/2010, Công ty TNHH ĐĐ có văn bản thanh lý hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất của ông Dương Văn MV, bàn giao GCNQSD đất trên cho ông Dương Văn KK (là anh trai ông Dương Văn MV, được họ tộc giao trách nhiệm nhận tài sản thừa kế của ông MV). Theo lời khai của ông P, mảnh đất trên giao cho ông Dương Văn KK bán để trả nợ của ông MV. Tại biên bản kiểm kê kết bạc ngày 26/10/2009 của công ty trách nhiệm hữu hạn ĐĐ có thể hiện tại mục 13 là hợp đồng tín dụng do ông MV vay 400.000.000đ, mục 22 ông MV cho ông Vg vay 22.300.000đ... (Bút lục 15 – 21); như vậy khi ông P nhận quyền điều hành quản lý công ty Công ty TNHH ĐĐ của ông Dương Văn MV với giá trị vốn góp như văn bản công chứng, thì các bên không làm rõ nghĩa vụ về dân sự của của ông MV khi đó là bao nhiêu.

[2.2.3] Kết quả xác minh của Toà án nhân dân thành phố S:

Tiến hành xác minh đối với thửa đất số AN849219 tại số nhà 254B, đường TĐN, tổ 9, phường QT cũng địa chỉ trụ sở của Công ty TNHH ĐĐ. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 08/8/2023, ông Nguyễn Công Lg - Tổ trưởng tổ 9, phường QT, thành phố S cho biết: Tổ 9, phường QT có số nhà từ 164 đến 278 và 155 đến 279 đường TĐN, không có số nhà 254B, chỉ có số nhà 254 và 254A. Trước đây, công ty của ông MV có trụ ở tổ 9, phường QT, nhưng do thời gian đã lâu nên ông Lg không nhớ chính xác ở số nhà bao nhiêu, chỉ nhớ ở khoảng khu vực số nhà 254. Tuy nhiên, nhà này đã qua tay nhiều chủ nhà. Gia đình ông MV, ông KK, ông Tn đã chuyển đi đâu thì ông Lg không biết, sau đó ông P có ở lại nhưng không đăng ký tạm trú tạm vắng, sau này ông P đi đâu thì tổ không nắm được. Khu vực số nhà 254 có chủ hộ như sau: Số nhà 254 là nhà chị Đinh Thị Tt, mẹ là Lò Thị X đã ở rất lâu; Số nhà 254A chủ hộ Nguyễn Văn Hn, trước đây là đất trống, mới xây năm 2020.

Ngày 15/5/2024, Toà án nhân dân thành phố S đã gặp chị Hj là chủ số nhà 254^a đường TĐN, chị Hj cho biết không biết ông MV, ông Tn là ai, đất này chị nhận chuyển nhượng đã lâu không nhớ tên người chuyển nhượng, sau đó chị mới xây nhà, không có số nhà 254B. Nhà 254 là của bố mẹ chị nhưng hiện tại cũng không ở đây.

Xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất thành phố S, tỉnh Sơn La không có giấy chứng nhận mang tên Dương Văn MV. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố S xác định không có căn cứ xác định bất động sản là nhà đất theo đơn khởi kiện của bà N còn tồn tại là đúng pháp luật.

[2.2.3] Đối với trị giá 1/2 chiếc xe Ben và số tiền 1.100.000.000đ

Sau khi ông MV chết, ngày 30/10/2009, bà Mai Thị N, ông Dương Văn P, ông Dương Văn Tn lập văn bản chia tài sản thừa kế, thống nhất toàn bộ tài sản thừa kế do ông MV để lại chuyển cho ông Dương Văn P – là em ruột của ông Dương Văn MV (thỏa thuận không ép buộc), và ông Dương Văn P sẽ nhận lại toàn bộ số tài sản trên tiếp tục bổ sung vào tài sản của công ty thuộc quyền sở

hữu của ông Dương Văn P kể từ ngày 30/10/2009, văn bản chia thừa kế được lập tại Văn phòng công chứng số I Sơn La.

Thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là văn bản được xác lập giữa các hàng thừa kế trong đó thỏa thuận về quyền phân chia di sản, từ chối nhận di sản, tặng cho di sản giữa những người có quyền hưởng thừa kế theo quy định của Bộ luật Dân sự. Việc xác lập văn bản chia thừa kế được công chứng ngày 30/10/2009 tại Văn phòng công chứng số I Sơn La không được xác lập giữa những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo liệt kê tại mục [2]. Như vậy, chưa đảm bảo quyền lợi của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

Tuy nhiên, sau khi xác lập văn bản chia thừa kế và đến thời điểm thụ lý vụ án, những người có liên quan đều không có yêu cầu Toà án tuyên bố văn bản chia thừa kế được công chứng vô hiệu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì thời hiệu yêu cầu Toà án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu được quy định tại các điều từ Điều 130 đến Điều 134 của Bộ luật này là hai năm, kể từ ngày giao dịch dân sự được xác lập.

Sau khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết, phòng Công chứng Sơn La không có ý kiến đối với đơn khởi kiện của bà Mai Thị N mà cho rằng liên quan đến văn bản phân chia tài sản thừa kế được lập và công chứng ngày 30/10/2009 tại Phòng Công chứng B do công chứng viên Lò Văn G thực hiện, ông G đã nghỉ hưu tại Phòng Công chứng B. Ngày 24/6/2024 tại văn phòng công chứng Lò G, Toà án đã gặp công chứng viên Lò Văn G, ông G cho biết: Tại văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 30/10/2009 những người có mặt không khai đầy đủ tên của những người trong hàng thừa kế và không đề nghị chia di sản thừa kế cho ai khác ngoài những người có tên trong văn bản trên. Việc bà Mai Thị N cho rằng văn bản phân chia thừa kế không đề cập đến quyền lợi của cháu Dương Đăng K, nhưng bà N cũng không có yêu cầu đề nghị tuyên huỷ văn bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 30/10/2009. Việc phân chia tài sản thừa kế do các bên đương sự tự nguyện thoả thuận, công chứng viên chỉ công chứng trên cơ sở thoả thuận của các bên đương sự theo quy định của pháp luật. Ông Lò Văn G cho biết hiện tại phòng Công chứng số 1 tỉnh Sơn La đã giải thể.

Đại diện theo ủy quyền của bà Mai Thị N là Công ty TNHH Luật TT đề nghị xem xét trách nhiệm của Công chứng viên của Văn Phòng Công chứng B tuy nhiên tại thời điểm lập văn bản phân chia, bà Nhẫn đã khẳng định mình là người thừa kế theo pháp luật duy nhất của ông MV, trên cơ sở các tài liệu do bà N cung cấp, Công chứng viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật nên không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Đối với yêu cầu của cháu Dương Đăng K: Cháu K là hàng thừa theo pháp luật thứ nhất của ông MV, trong khối di sản ông MV để lại, cháu K được hưởng phần thừa kế của mình là 212.500.000 đồng. Trong vụ án này, cháu K yêu cầu ông P phải trả lại phần di sản thừa kế 212.500.000 đồng trong khối di sản ông MV để lại tuy nhiên với việc bà N tự ý phân chia và chuyển toàn bộ phần di sản

thừa kế của các đồng thừa kế khác cho ông P dẫn tới hiện tại không còn tài sản để chia cho cháu K, nên Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà N buộc ông P phải trả lại số tiền 212.500.000 đồng cho cháu K là có căn cứ.

Mặt khác, số tài sản theo thỏa thuận tại văn bản chia thừa kế công chứng ngày 30/10/2009, ông Dương Văn P đã tiếp nhận công ty TNHH ĐĐ và trả nợ cho ông Dương Văn MV. Ngày 06/11/2009, hồ sơ đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH ĐĐ thay đổi người đại diện theo pháp luật, thay đổi điều lệ hoạt động công ty, kết nạp thành viên mới, bổ nhiệm chức giám đốc công ty, bổ nhiệm chức chủ tịch hội đồng thành viên.

Theo Công văn số 952/SKHĐT-ĐKKD ngày 04/6/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La về việc cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp thì Công ty TNHH ĐĐ đã giải thể do doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Quyết định số QDTH/24525 ngày 31/8/2018 của phòng Đăng ý kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La.

Như vậy, toàn bộ số tài sản ông Dương Văn MV để lại năm 2009 gồm có: ½ giá trị chiếc xe Ben tải trị giá 200.000.000đ; một nhà đất trị giá 500.000.000đ, tiền mặt 1.100.000.000đ hiện không còn tồn tại, và đương sự cũng không cung cấp chính xác địa chỉ của những người có liên quan đến việc chia thừa kế. Tòa án không có cơ sở để xác minh nguồn gốc và xác định giá trị thực tế của di sản do ông Dương Văn MV để lại. Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không cung cấp được cho Tòa án những nội dung có liên quan đến tài sản yêu cầu giải quyết nên Tòa án nhân dân thành phố S không có cơ sở xem xét là đúng pháp luật.

Quá trình giải quyết tại Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới.

[5] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị N và đình chỉ giải quyết kháng cáo của anh Dương Đăng K; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2024/DS-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của anh Dương Văn K bị đình chỉ nên số tiền tạm ứng án phí được sung vào công quỹ nhà nước; bà Mai Thị N là con liệt sỹ nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Mai Thị N; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Dương Đăng K.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2024/DS-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La.

3. Án phí phúc thẩm:

- Sung vào công quỹ nhà nước số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh Dương Văn Khang đã nộp theo biên lai số 0002105 ngày 19/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Mai Thị N.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 26/9/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND thành phố S.
- Chi cục THADS thành phố S, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lại Thị Hiếu